**PHỤ LỤC VI**

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
*(Ban hành kèm theo Thông tư số*[*38/2018/TT-BNNPTNT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/thong-tu-38-2018-tt-bnnptnt-tham-dinh-co-so-san-xuat-thuc-pham-nong-lam-an-toan-thuc-pham-406512.aspx)*ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

………, ngày….. tháng…. năm….

**BẢN THUYẾT MINH**

**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .......................................................................

2. Mã số (nếu có): ...............................................................................................

3. Địa chỉ: ............................................................................................................

4. Điện thoại: ………………….. Fax: ………………. Email: ..........................

5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước                                □        DN 100% vốn nước ngoài     □

DN liên doanh với nước ngoài     □        DN Cổ phần                          □

DN tư nhân                                   □        Khác                                     □

                                                              (ghi rõ loại hình)

6. Năm bắt đầu hoạt động: ..................................................................................

7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: ................................

8. Công suất thiết kế: ...........................................................................................

9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): ........................

10. Thị trường tiêu thụ chính: .............................................................................

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh** | **Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh** | **Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì** |
| **Tên nguyên liệu/ sản phẩm** | **Nguồn gốc/ xuất xứ** |  |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |

**III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh ………………m2 , trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm: …………………….m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : …………………………………..m2

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : …………………………………..m2

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: …………………………….m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : ……………………………..m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Nước sản xuất** | **Tổng công suất** | **Năm bắt đầu sử dụng** |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng   □                                Nước giếng khoan      □

Hệ thống xử lý:    Có   □                                Không                        □

Phương pháp xử lý: ……………………………………………………...........

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất      □                                                  Mua ngoài         □

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá: ……………………………………

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý: ................................................................

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: …………………người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: …………………người.

+ Lao động gián tiếp: …………………người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ……….người; trong đó ……….. của cơ sở và ………. đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên hóa chất** | **Thành phần chính** | **Nước sản xuất** | **Mục đích sử dụng** | **Nồng độ** |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,….)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở □                  Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích: ………..

……………………………………………………..……………………………

- Thuê ngoài □              Tên những PKN gửi phân tích: ……………………….

……………………………………………………..……………………………

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ***(Ký tên, đóng dấu)* |